

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672014 - Cơ lý thuyết 1

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Lê Phú Trường	Ân	3772050873	17/11/1995	2,00			
2	Bùi Văn	Cường	3772050978	10/05/1995	4,00	,00	1,20	
3	Trần Minh	Thanh	3772050980	26/12/1995	2,00	,00	,60	
4	Lê Tiến	Vũ	3772050987	12/10/1995	5,00			
5	Huỳnh Thanh	Nguyên	3772050998	15/03/1995	1,50	,50	,80	
6	Trần Thành	Hiển	3772051010	13/05/1995	,00			
7	Nguyễn Quang	Linh	3772051012	19/11/1993	1,00			
8	Phan Quốc	Vũ	3772051015	24/07/1995	,00			
9	Nguyễn Đình	Kim	3772051020	20/05/1994	5,00	,00	1,50	
10	Nguyễn Minh	Thuận	3772051027	23/09/1995	2,00	2,00	2,00	
11	Nguyễn Ngọc	Trung	3772051032	12/04/1995	,00			
12	Lê Cát	Tường	3772051037	10/10/1995	3,00	,00	,90	
13	Đỗ Cao	Trí	3772051043	30/07/1995	5,00	4,00	4,30	
14	Lê Thành	Trung	3772051047	21/01/1994	4,00	4,00	4,00	
15	Đỗ Thành	Thy	3772051048	14/10/1995	5,00	,50	1,90	
16	Nguyễn Hoàng	Huy	3772051053	21/10/1995	,00			
17	Huỳnh Nhật	Minh	3772051054	23/12/1994	,00			
18	Nguyễn Tiến	Nhật	3772051058	24/10/1995	,00			
19	Nguyễn Văn	Hương	3772051061	29/08/1995	,00			
20	Trần Huy	Hồng	3772051064	16/12/1995	,00			
21	Đặng Nguyễn Quốc	Quang	3772051071	28/04/1995	,00	1,00	,70	
22	Lê Văn	Cảnh	3772051075	07/11/1995	3,00	4,80	4,30	
23	Phạm Quang	Hải	3772051077	25/12/1995	1,00			
24	Nguyễn Tấn	Tài	3772051081	02/07/1995	1,50			
25	Lại Văn	Trí	3772051082	20/10/1995	1,00	1,00	1,00	
26	Nguyễn Thành	Tâm	3772051084	10/02/1995	2,00			
27	Bùi Văn	Quỳnh	3772051088	10/02/1994	,00			
28	Võ Công	Thọ	3772051092	26/03/1995	6,00	3,00	3,90	
29	Vũ Hoài	Nam	3772051094	31/10/1994	4,00	1,50	2,30	
30	Bùi Nhật	Linh	3772051095	08/10/1995	3,50	4,80	4,40	
31	Nguyễn Văn	Nghiệp	3772051101	14/11/1995	3,00	,50	1,30	
32	Phạm Trần Công	Phú	3772051103	19/07/1995	,00	,00	,00	CT
33	Son Anh	Khoa	3772051107	30/11/1995	3,00	,00	,90	
34	Quách Thuận	Cảnh	3772051108	23/02/1995	1,00	,00	,30	
35	Trần Thanh	Minh	3772051111	20/11/1995	1,50			

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Anh	Ninh	3772051118	09/04/1995	3,00	1,50	2,00	
37	Trần Văn	Trí	3772051119	23/05/1995	2,00	7,00	5,50	
38	Đặng Thế	Trí	3772051132	20/02/1994	2,00	3,00	2,70	
39	Trần Đức	Nhật	3772051166	10/02/1995	1,50	,00	,50	
40	Lê Đình	Quyền	3772051170	15/02/1995	8,00	4,00	5,20	
41	Hà Quang	Chiến	3772051186	08/05/1995	,00			
42	Phạm Trung	Cang	3772051187	25/09/1995	6,00	8,00	7,40	
43	Nguyễn Văn	Hùng	3772051192	20/08/1995	,00			
44	Võ Thành	Lợi	3772051197	04/09/1995	,00			
45	Phạm Quốc	Huy	3772051199	16/09/1994	3,00	4,00	3,70	
46	Trang Đoàn Đình	Thiện	3772051209	11/07/1995	,00			
47	Đặng Quốc	Quý	3772051210	27/08/1994	5,00	5,50	5,40	
48	Phạm Văn	Thuận	3772051231	15/09/1995	,00			
49	Nguyễn Tấn	Son	3772051278	26/06/1995	3,00	1,50	2,00	
50	Phạm Hữu	Tuân	3772051293	25/06/1995	2,00	,00	,60	
51	Nguyễn Hùng	Anh	3772051306	23/02/1993	6,00	1,00	2,50	
52	Hoàng Đại Gia	Long	3772051312	13/08/1995	2,00	1,00	1,30	
53	Đoàn Thanh	Huy	3772051321	07/08/1995	,00	1,00	,70	
54	Lê Thanh	Nhạc	3772051340	28/10/1995	2,00	,00	,60	
55	Nguyễn Nam	Trung	3772051349	05/02/1995	2,00			
56	Huỳnh Huy	Hoàng	3772051350	27/04/1994	4,00	,00	1,20	
57	Nguyễn Quốc	Dũng	3772051398	10/09/1995	2,00	1,50	1,70	
58	Trần Trí	Nghĩa	3772051409	20/01/1995	3,00	1,50	2,00	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)